



shān jǐ

山脊

noun · mountain ridge

Example Sentences

Wǒ men yán zhe shān jǐ zǒu le yí gè xiǎo shí
我们沿着山脊走了一个小时。

We walked along the mountain ridge for an hour.

Cóng shān jǐ shàng kě yǐ kàn dào yuǎn chù de cūn zhuāng
从山脊上可以看到远处的村庄。

From the ridge, you can see the distant village.

Trace each character, then write the word on your own.

山	山	山	山	山	山						
脊	脊	脊	脊	脊	脊	脊	脊	脊	脊	脊	
脊	脊										